TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-PT
Ngày 01-4-2019
V/v Tranh chấp thương mại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên –Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 15/2018/TLPT- KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM - ST ngày 26/9/2018, của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐ - PT ngày 18/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ-PT ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1953; địa chỉ: tổ dân phố 8, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Ông Trần Lê N, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ dân phố 8, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Trần Ngọc H1, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố 8, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ dân phố 8, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

- Anh Trần Ngọc H2, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố 8, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

Ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T, anh Trần Ngọc H2 đã ủy quyền cho bà Lê Thị Kim H tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017 và ngày 30/8/2017.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn TL, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn TL, xã EY, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 15/11/2007, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) NH do ông Nguyễn Ngọc L giữ chức vụ Giám đốc và Xí nghiệp chế biến gỗ TN do ông Trần Ngọc Đ giữ chức vụ Giám đốc đã ký hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN để mua bán lô gỗ thông với tổng số tiền là 2.050.000.000đ. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 15/11/2007 đến hết ngày 30/4/2008. Hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 30/6/2008. Đến ngày 13/12/2007, ông Trần Ngọc Đ giao cho ông Nguyễn Ngọc L 200.000.000đ tiền để đặt cọc lô gỗ thông. Sau khi nhận tiền, ông L có viết cho ông Đ 01 giấy biên nhận với tổng số tiền là 350.000.000đ, trong đó 200.000.000đ tiền nhận đặt cọc bán lô gỗ thông và 150.000.000đ nhận tiền mua bán lô gỗ keo trước đó (cụ thể ngày 30/11/2007 nhận 100.000.000đ và ngày 07/12/2007 nhận 50.000.000đ). Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH NH có yêu cầu Xí nghiệp chế biến gỗ TN đến nhận gỗ nên trong năm 2007, Xí nghiệp chế biến gỗ TN cùng Công ty TNHH NH qua nhận gỗ, tuy nhiên Công ty TNHH NH giao gỗ thông không đúng quy cách, kích thước như đã thỏa thuận trong hợp đồng nên Xí nghiệp chế biến gỗ TN không nhận gỗ và sau đó đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L là đại diện Công ty TNHH NH trả lại số tiền đã nhận nói trên nhưng ông L không trả. Đến ngày 03/10/2015 ông Trần Ngọc Đ chết không để lại di chúc nên ngày 28/8/2017, bà H cùng các con là ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T, anh Trần Ngọc H2 thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ căn cứ vào giấy biên nhận lập ngày 13/12/2007 để làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L là đại diện Công ty TNHH NH trả lại cho gia đình bà H tổng số tiền 350.000.000đ, trong đó tiền nhận tiền đặt cọc lô gỗ thông là 200.000.000đ, tiền bán lô gỗ keo đã nhận trước đó 150.000.000đ và khoản nợ tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến nay. Tuy nhiên, đối với 150.000.000đ là tiền nhận đặt cọc đối với lô gỗ keo thì hiện nay ông L đã thanh toán xong cho gia đình bà H theo biên bản thanh toán lập ngày 20/6/2008 nên ngày 01/8/2018 bà H làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết số 48/QĐST-DS ngày 02/8/2018 đối với số tiền trên. Nay bà Lê Thị Kim H yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH NH có trách nhiệm trả cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là bà H và các con số tiền 200.000.000đ tiền nhận đặt cọc lô gỗ thông và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến nay.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Công ty TNHH NH là Công ty TNHH hai thành viên, ông L góp 60% cổ phần và vợ ông L bà Lê Thị T1 góp 40% cổ phần, ông L giữ chức vụ Giám đốc. Ngày 15/11/2007, ông L ký hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN với Xí nghiệp chế biến gỗ TN để bán lô gỗ thông. Theo hợp đồng, Công ty TNHH NH bán cho Xí nghiệp chế biến gỗ TN số lượng gỗ với tổng giá trị 2.050.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời hạn giao hàng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/4/2008, địa điểm giao hàng tại thôn X, xã Y, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Trong hợp đồng ghi rõ bên A (Công ty TNHH NH) không được phép bán lô gỗ thông trên cho bất cứ đối tác nào mà không được sự chấp thuận của bên B (Xí nghiệp chế biến gỗ TN). Bên B đặt cọc cho bên A số tiền 200.000.000đ. Hiệu lực của hợp đồng kể từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2008. Sau khi ký hợp đồng thì các bên có qua xem gỗ và đến ngày 13/12/2007, ông Trần Ngọc Đ có giao cho ông L 200.000.000đ tiền đặt cọc lô gỗ thông và ông L viết giấy biên nhận tổng cộng số tiền là 350.000.000đ, trong đó nhận tiền cọc lô gỗ thông là 200.000.000đ và nhận tiền bán lô gỗ keo trước là 150.000.000đ. Đối với số tiền 150.000.000đ nhận tiền bán lô gỗ keo, cụ thể ngày 30/11/2007 nhận 100.000.000đ và ngày 07/12/2007 nhận 50.000.000đ thì đến ngày 20/6/2008 Công ty TNHH NH đã giao đủ số gỗ keo cho Xí nghiệp chế biến gỗ TN, hai bên đã lập biên bản thanh lý và bà Lê Thị Kim H là người trực tiếp viết biên bản xác nhận đã thanh toán xong lô gỗ keo.

Nay bà H và các con bà H căn cứ vào giấy biên nhận ngày 13/12/2007 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH NH trả số tiền 200.000.000đ tiền nhận đặt cọc lô gỗ thông thì Công ty TNHH NH không đồng ý với lý do sau:

- Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN thì Công ty TNHH NH đã ký hợp đồng mua bán gỗ thông với Công ty TNHH HHP (trụ sở tại tỉnh Đồng Nai) để giao gỗ cho Xí nghiệp chế biến gỗ TN. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH NH đã yêu cầu Xí nghiệp chế biến gỗ TN đến nhận gỗ tại xã BL, huyện Z, tỉnh Lâm Đồng và tại thôn X, xã Y, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng nhưng Xí nghiệp chế biến gỗ TN chỉ đến xem gỗ một lần, sau đó nói sẽ cho xe sang nhận gỗ. Thấy Xí nghiệp chế biến gỗ TN không đến nhận gỗ thì Công ty TNHH NH đã nhiều lần yêu cầu đến nhận gỗ nhưng Xí nghiệp chế biến gỗ TN không thực hiện và cũng không đến thanh lý hợp đồng đã ký. Do Xí nghiệp chế biến gỗ TN không nhận hàng nên ngày 25/8/2009 Công ty TNHH HHP hủy hợp đồng với Công ty TNHH NH nên không còn gỗ để giao cho Xí nghiệp chế biến gỗ TN, lỗi hoàn toàn thuộc về Xí nghiệp chế biến gỗ TN.

- Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ vào giấy biên nhận tiền đặt cọc ngày 13/12/2007 để khởi kiện đòi tài sản là không đúng vì số tiền 200.000.000đ này phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 16 ngày 15/11/2007 mà Công ty TNHH NH và Xí nghiệp chế biến gỗ TN đã ký thì phải giải quyết bằng vụ án kinh doanh thương mại. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, do Xí nghiệp chế biến gỗ TN không nhận gỗ theo đúng thời gian thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm hợp đồng. Hiệu lực của hợp đồng có giá trị đến hết ngày 30/6/2008, hợp đồng này các bên đã ký kết trên 10 năm. Vì vậy, thời hiệu khởi kiện đã hết nên đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày:

Trước khi ký hợp đồng kinh tế số 16 ngày 15/11/2007 thì Công ty TNHH NH có dẫn đại diện Xí nghiệp chế biến gỗ TN là bà H, ông Đ sang Lâm Đồng để xem gỗ thông hai lần. Sau khi xem gỗ xong ông Đ, bà H đồng ý mua gỗ nên đến ngày 15/11/2007 mới ký hợp đồng kinh tế số 16. Sau khi ký hợp đồng thì bà T1 thường xuyên thúc dục ông L điện thoại cho ông Đ sang Lâm Đồng để nhận gỗ nhưng gia đình ông Đ không thực hiện mà hứa hẹn rất nhiều lần cho đến khi hết hạn hợp đồng. Nay bà H và các con bà H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH NH phải trả cho gia đình bà H 200.000.000đ tiền đặt cọc lô gỗ thông thì ý kiến của bà T1 không đồng ý.

**** Tại bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 26/9/2018, của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 184; Điều 203; Điều 209; điểm e khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 319 Luật Thương mại 2005.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H, ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và ông Trần Ngọc H2 về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH NH trả số tiền 200.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật. Đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H, ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và ông Trần Ngọc H2 không được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với số tiền 200.000.000đ nhận tiền cọc lô gỗ thông.

- Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim H. Buộc ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và anh Trần Ngọc H2 mỗi người phải chịu 2.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 4.000.000đ tạm ứng án phí còn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện KP theo biên lai số AA/2016/0002401 ngày 17/10/2017. Ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và anh Trần Ngọc H2 mỗi người phải nộp tiếp 1.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2018 bà Lê Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định pháp luật về thời hiệu để giải quyết vụ án là chưa đúng bởi lẽ Tòa án cấp sơ thẩm đánh đồng Xí nghiệp chế biến gỗ TN với bà H và các con là không đúng, từ ngày 01/7/2008 cho đến ngày 02/10/2015 thì lợi ích của bà H

và các con chưa bị xâm phạm do đó không thể áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu của bà H và các con từ ngày 01/7/2008 như áp dụng đối với Xí nghiệp chế biến gỗ TN. Yêu cầu khởi kiện của bà H và các con phát sinh từ quyền được thừa kế, tức là từ ngày 03/10/2015, đây mới là thời điểm quyền và lợi ích của bà H và các con bị xâm phạm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Các đương sự khác giữ nguyên lời trình bày của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện và buộc các nguyên đơn phải chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Kim H – Sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung: "Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H, ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và ông Trần Ngọc H2 về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH NH trả số tiền 200.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật". Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn; Giữ nguyên một phần bản án sơ thẩm về việc Đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xe xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 15/11/2007, Công ty TNHH NH do ông Nguyễn Ngọc L giữ chức vụ Giám đốc và Xí nghiệp chế biến gỗ TN do ông Trần Ngọc Đ giữ chức vụ Giám đốc đã ký hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN để mua bán lô gỗ thông với tổng số tiền là 2.050.000.000đ. Thời hạn thực hiện hợp đồng từ ngày 15/11/2007 đến hết ngày 30/4/2008. Hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 30/6/2008. Đến ngày 13/12/2007, ông Trần Ngọc Đ giao cho ông Nguyễn Ngọc L 200.000.000đ tiền để đặt cọc lô gỗ thông. Sau khi nhận tiền, ông L có viết cho ông Đ 01 giấy biên nhận với tổng số tiền là 350.000.000đ, trong đó 200.000.000đ tiền nhận đặt cọc bán lô gỗ thông và 150.000.000đ nhận tiền mua bán lô gỗ keo trước đó.

[2] Tại Điều 2 của hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN ngày 15/11/2007, các bên thỏa thuận: Công ty TNHH NH bắt đầu giao hàng kể từ ngày ký hợp đồng là ngày 15/11/2007 đến hết ngày 30/4/2008. Tuy nhiên, tại Điều 4 của hợp đồng hai bên xác định: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 30/6/2008. Như vậy, có thể xác định thời hạn cuối cùng mà Công ty TNHH NH phải giao gỗ thông cho Xí nghiệp chế biến gỗ TN là ngày 30/6/2008. Ông L cho rằng đã nhiều lần yêu

cầu Xí nghiệp chế biến gỗ TN đến nhận gỗ nhưng Xí nghiệp chế biến gỗ TN không đến nhận hàng theo như thỏa thuận. Bà H cho rằng do gỗ không đúng quy cách, kích thước như trong hợp đồng nên Xí nghiệp chế biến gỗ TN không đến nhận gỗ.

Như vậy, xác định được quyền là lợi ích của Xí nghiệp chế biến gỗ TN bị xâm hại kể từ ngày 01/7/2008, nếu hai bên không có thỏa thuận hay bàn bạc gì khác thì các bên có quyền khởi kiện hợp đồng số 16/HĐKT/NH-TN ngày 15/11/2007 theo quy định pháp luật.

Công ty TNHH NH là Công ty TNHH hai thành viên được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp 6000604203, đăng ký lần đầu ngày 08/12/2006 và đăng ký thay đổi lần 02 ngày 13/4/2012. Xí nghiệp chế biến gỗ TN là doanh nghiệp tư nhân được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 019819, đăng ký lần đầu ngày 11/5/1993 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/6/2005. Như vậy, thời điểm ký kết hợp đồng số 16/HĐKT/NH-TN ngày 15/11/2007 giữa Công ty TNHH NH và Xí nghiệp chế biến gỗ TN thì đây là hợp đồng phát sinh giữa hai doanh nghiệp nhằm mục đích lợi nhuận, là hoạt động thương mại.

Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005 thì "Thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 237 của Luật này".

Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc".

Điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định:

"1. Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong các trường hợp sau:

e) Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết."

Như vậy, áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại thì thời hiệu khởi kiện của Xí nghiệp chế biến gỗ TN là 02 năm kể từ ngày 01/7/2008, tính đến thời điểm bà H khởi kiện là ngày 28/8/2017 thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc các nguyên đơn phải chịu án phí là không đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự mà cần phải đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Kim H cho rằng quyền và lợi ích của Xí nghiệp chế biến gỗ TN với quyền và lợi ích của bà H cùng các con là khác nhau, yêu cầu khởi kiện của bà H và các con phát sinh từ việc thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Đ nên thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà phải tính từ ngày 03/10/2015, là ngày quyền và lợi ích của bà H và các con bị xâm hại là không

có căn cứ. Bởi lẽ, hợp đồng kinh tế số 16/HĐKT/NH-TN ngày 15/11/2007 giữa Công ty TNHH NH và Xí nghiệp chế biến gỗ TN là thỏa thuận, là quan hệ hợp đồng giữa hai doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, việc ký kết hợp đồng kinh tế số 16 không phải là giao dịch giữa ông Nguyễn Ngọc L với ông Trần Ngọc Đ. Việc áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện khi quyền và lợi ích bị xâm hại trong trường hợp này được xác định là quyền và lợi ích của Công ty, doanh nghiệp chứ không phải quyền và lợi ích của cá nhân nên lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Kim H là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Kim H, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 26/9/2018, của Tòa án nhân dân huyện K.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự để trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bà Lê Thị Kim H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 184; điểm a khoản 1 Điều 192; điểm e khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 319 Luật Thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Kim H – Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 26/9/2018, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về nội dung: "Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H, ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và ông Trần Ngọc H2 về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH NH trả số tiền 200.000.000đ và tiền lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật". Tuyên Trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và ông Trần Ngọc H2.

Giữ nguyên một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về việc Đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

[2] Về án phí sơ thẩm: Đối với bà Lê Thị Kim H thuộc diên người cao tuổi cấp sơ thẩm đã miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

Hoàn trả cho ông Trần Lê N, ông Trần Ngọc H1, ông Trần Ngọc T và anh Trần Ngọc H2 4.000.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh Trần Ngọc H2 đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002410 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KP.

[3] Án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên bà Lê Thị Kim H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn